

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

VOSA CORPORATION



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2014

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0300437898.
- Vốn điều lệ : 116.500.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 116.500.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Lầu 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại : (84 - 8) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax : (84 - 8) 54161823 – 54161824.
- Website : <http://www.vosa.com.vn> – <http://www.vosagroup.com>
- Mã cổ phiếu : VOSA

2. Quá trình hình thành và phát triển :

- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
 - + Ngày 08/08/1989, Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
 - + Ngày 12/05/1993, Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 30/12/2005, Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
 - + Ngày 31/03/2006 : Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 14/06/2006 : Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 20/10/2006 : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số : 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày này. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 06 với mã số doanh nghiệp : 0300437898
- Các sự kiện khác :
 - + Ngày 01/02/2007 : Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (liên doanh giữa NYK Line và VOSA) chính thức đi vào hoạt động.

- + Ngày 13/03/2007 : Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2007).
- + Ngày 30/06/2011 : Công ty đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.
- + Ngày 21/02/2012 : Công ty đã tổ chức Lễ khai trương Kho chứa hàng Nông sản Bunge – Cái Lân và công bố Quyết định thành lập Trung tâm Logistics Cái Lân.
- + Ngày 13/03/2012 : Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2012).
- + Ngày 10/09/2013 : VOSA và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. ký Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (YLTV). Công ty YLTV chính thức hoạt động từ 17/01/2014.
- + Tháng 1 năm 2014, Công ty được tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2013 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

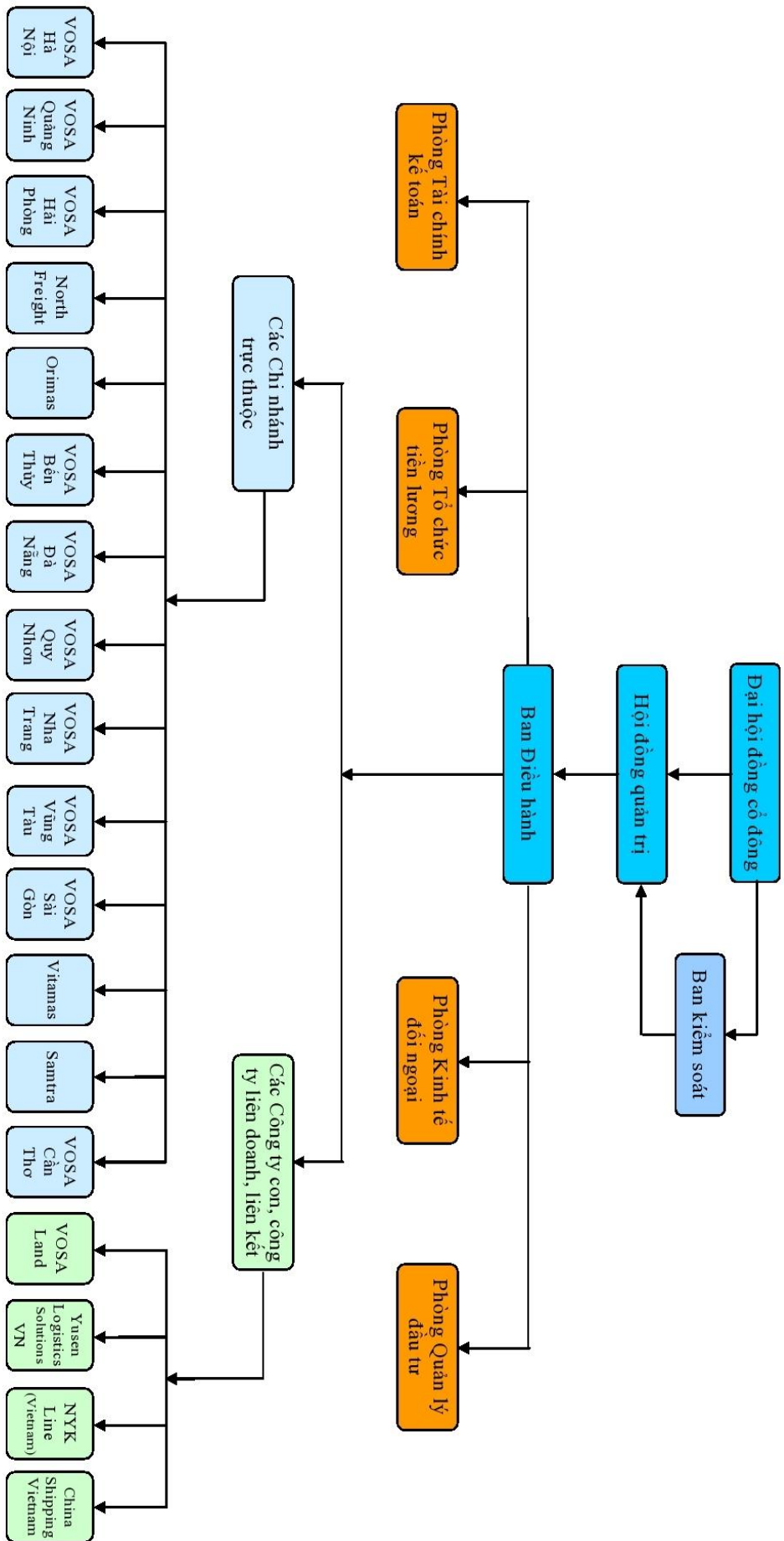
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh :
 - + Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics; Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan).
 - + Vận tải đa phương thức quốc tế.
 - + Kinh doanh kho bãi.
- Địa bàn kinh doanh:
 - + Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cần Thơ, trong đó địa bàn kinh doanh chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

- Mô hình quản trị : Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng chức năng, các Chi nhánh trực thuộc, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.
- Cơ cấu bộ máy quản lý :
 - + Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 30/06/2011.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết :

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	204.000 USD	51
2	Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA LAND)	7 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty con	Kinh doanh bất động sản. Xây dựng nhà các loại	51.000.000.000	51
3	Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng (Saigon Riverside Office Center lầu 6), P.BT, Q.1, TP. HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển	196.000 USD	49
4	Công ty TNHH China Shipping (Việt Nam)	37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng đường biển	200.000 USD	40
5	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51

- Các Công ty có góp vốn :

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
2	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
3	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
4	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03
5	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải (*)	Lương Hòa, Giồng Trôm, Bến Tre	Góp vốn	Giáo dục	500.000.000 đ	1,00

(*) Ngày 29/11/2012, Tổng công ty hàng hải Việt Nam đã có công văn số 2876/CV-HHVN v/v chuyển giao dự án thành lập Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật Hàng hải cho tỉnh Bến Tre.

5. Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

+ Xây dựng Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển nhanh và bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải, kho bãi và logistics; vận tải đa phương thức; khai thác cảng và thương mại xuất nhập khẩu.

+ Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, quản trị tốt nhất các nguồn lực, thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v... để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

+ Mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.

+ Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

+ Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan; Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuỗi dịch vụ logistics như đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi và phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ hậu cần trọn gói cho khách hàng; tiếp tục đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế. Liên doanh, liên kết để khai thác tiềm năng nhà đất sẵn có của Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

6. Các rủi ro :

- Năm 2014 tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn và có nhiều biến động bất thường. Tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định vì vậy thị trường vận tải nói chung và dịch vụ hàng hải và logistics nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như sẽ được thực thi đầy đủ vào năm 2014, nên các công ty dịch vụ logistics lớn của nước ngoài sẽ có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt; VOSA đã bán 50% phần vốn góp của mình tại liên doanh - Công ty TNHH Yusen Logistics Solution Việt Nam cho đối tác Yusen Logistics Singapore, và chỉ còn giữ lại 1% vốn góp. Vì vậy lợi nhuận của Công ty trong lĩnh vực đầu tư tài chính sẽ sụt giảm v.v. Sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; chính sách xuất nhập khẩu tiêu ngạch với Trung Quốc thay đổi, làm tăng chi phí doanh nghiệp, gây ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD mà Công ty đặt ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2013 :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Năm 2013 là năm nền kinh tế toàn cầu vẫn còn khó khăn, đối với ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải cũng không ngoại lệ. Trong nước, ngành hàng hải và dịch vụ logistics tiếp tục mở cửa theo lộ trình cam kết WTO. Do sức cạnh tranh yếu của các doanh nghiệp nội địa nên các tập đoàn hàng hải quốc tế nắm giữ thị phần chi phối nên khi phát sinh thua lỗ do giá cước thấp và giá nhiên liệu tăng cao thì tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp nội địa làm đại lý.

- Kết quả SXKD năm 2013 (Hợp nhất) :

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2012	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2012
Doanh thu	600 tỷ đồng	804 tỷ đồng	610 tỷ đồng	134 %	132 %
Tổng LNTT	39,7 tỷ đồng	42,1 tỷ đồng	46,7 tỷ đồng	106 %	90 %

- Chỉ tiêu Doanh thu của Công ty năm 2013 tăng so với năm 2012 là do các nguyên nhân chính sau :

+ Doanh thu thực hiện dịch vụ đại lý vận tải tăng 187 tỷ đồng chủ yếu do thực hiện dịch vụ đại lý vận tải 500.000 tấn quặng sắt xuất sang Trung Quốc.

+ Doanh thu đại lý liner Namsung Shipping & Sinolines tăng 20%.

+ Doanh thu từ hoạt động kho ngoại quan, hoạt động kiểm đếm và Đại lý tàu truyền thống cũng có sự tăng trưởng đáng kể nên đã góp phần làm tăng trưởng doanh thu so với năm 2012.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2013 giảm so với năm 2012 là do các nguyên nhân sau :

+ Mặc dù lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng nhưng doanh thu & lợi nhuận tài chính giảm mạnh nên tổng lợi nhuận thực hiện giảm. Lãi suất tiền gửi ngân hàng đã giảm từ trung bình 12% /năm còn 6%/năm. Ngân hàng cổ phần hàng hải Việt Nam năm 2013 không chia cổ tức. Lãi từ chênh lệch tỷ giá so với năm 2012 giảm rất nhiều.

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Số CMND Ngày cấp Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	01/07/2011	024257713 19/06/2012 TP. HCM	43/36 Cộng Hòa, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM	2.300	0.02
2	Hoàng Hoa Phòng	01/01/1958	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2013	030740517 07/01/2014 Hải Phòng	5A Dư Hàng, Lê Chân, Hải Phòng	2.600	0.02
3	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2013	100595080 12/03/2007 Quảng Ninh	Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh	900	0.01
4	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTĐ, Cử nhân Luật	06/08/2012	024280581 17/06/2004 TP. HCM	369/11 Nguyễn Thái Bình, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM	1.200	0.01

- **Những thay đổi trong Ban điều hành :** Không

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động :**

+ Công ty đã xây dựng các quy chế tuyển dụng và đào tạo; quy chế chia lương, khen thưởng phúc lợi, có chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động.

+ Công ty đang tiếp tục xây dựng phương án phát triển nguồn nhân lực cho các kế hoạch trung và dài hạn; tiếp tục xây dựng cơ chế trả lương công bằng và linh hoạt hơn để đảm bảo đời sống CBCNV, đồng thời có thể tuyển dụng, đào tạo được các nhân sự cấp cao để kế thừa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên viên công ty và các chi nhánh đến tuổi nghỉ hưu.

+ Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty : 705 người.

+ Thu nhập bình quân : 12.172.004 đồng/người/tháng.

+ Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong công ty trong năm 2013: Công ty đã thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể.

+ Công ty đã thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư liên doanh, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị :

3.1 - Các khoản đầu tư xây dựng lớn :

3.1.1 - Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA – Số 1 Bến Vân Đồn.

- Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA đang tiến hành các thủ tục về đất. Dự án đã có quyết định duyệt giá của UBND TPHCM để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất và thông báo nộp tiền sử dụng đất của Cục thuế Thành phố với số tiền 86.126.564.320 đồng. Do tình hình kinh tế khó khăn nên Công ty đã tiến hành xin điều chỉnh quy mô dự án còn 10 tầng để giảm giá trị tiền sử dụng đất và đã được UBND Thành phố HCM chấp thuận.

3.1.2 - Dự án mua Văn phòng làm việc của Công ty VOSA tại tòa nhà Petroland:

- VOSA đã hoàn tất dự án mua 1 phần tầng 5 tòa nhà Petroland Tower với diện tích 642 m² với tổng giá trị 18.618.000.000 đồng làm Văn phòng Công ty. Phần nội thất cơ bản đã hoàn thành và Văn phòng VOSA đã chuyển về sử dụng vào tháng 01/2014. Dự án đang tiến hành nghiệm thu bàn giao và quyết toán.

3.1.3 - Dự án văn phòng Vitamas - số 44-46 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM :

- Dự án đã có quyết định duyệt giá của UBND TPHCM để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất và Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với số tiền 5.625.973.920 đồng và nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tháng 06/2013. Dự án đã có giấy phép xây dựng 07 tầng. Công ty đang tiến hành lập Dự án đầu tư, sau khi dự án đầu tư được phê duyệt, Ban Điều hành sẽ tiến hành thiết kế kỹ thuật thi công. Dự kiến khởi công xây dựng tháng 09/2014, hoàn thành tháng 09/2015. Tổng vốn đầu tư ước tính 26,8 tỷ đồng.

3.1.4 - Các dự án đã hoàn thành đang chờ quyết toán :

- Dự án nhà kho thức ăn chăn nuôi Bunge – Quảng Ninh (Giá trị dự án được phê duyệt: 45.109.000.000 đồng).

3.2 - Tình hình thực hiện các dự án khác :

- Năm 2013, Công ty thực hiện một số dự án nhỏ khác như: Sửa văn phòng mới của VOSA Đà Nẵng, sửa chữa kho CFS nhập của Northfreight, xây dựng Trạm biên giới Vĩnh Xương của VOSA Cần Thơ, mua 1 máy phát điện dự phòng cho VOSA Quảng Ninh v.v với tổng chi phí ước tính 1,75 tỷ đồng.

- Dự án Phần Mềm quản lý doanh nghiệp ERP :

+ Công ty đã triển khai thực hiện Dự án Phần Mềm quản lý doanh nghiệp Lemon3-ERP để áp dụng cho toàn Công ty. Tổng giá trị phần mềm ước tính khoảng 02 tỷ đồng. Hiện nay Công ty đang phối hợp với Công ty Diginet để hoàn thiện các tính năng của Phần mềm quản trị Tài chính kế toán và Nhân sự tiền lương.

3.3 - Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết :

3.3.1 - Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam : là công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics toàn cầu, công tác sản xuất kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng bởi biến động kinh tế thế giới, phục vụ chủ yếu các khách hàng là các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Năm 2013, nền kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu hồi phục, đầu tư của Nhật vào Việt Nam tăng mạnh, nên doanh thu năm 2013 tăng 19%; lợi nhuận tăng 07% so với năm 2012.

Phía đối tác nước ngoài đang tiến hành các thủ tục mua lại phần vốn góp của VOSA trong liên doanh, thời điểm chuyển nhượng vốn là 31/03/2014.

3.3.2 - Công ty NYK Line Việt Nam : các hãng tàu container vẫn còn nhiều khó khăn nhưng sản lượng của NYK Line Việt Nam vẫn tăng 15% so với năm trước. Hãng tàu rút tuyến đến cảng Cái Lân từ tháng 04/2013 và mở tuyến mới vào cảng Hải Phòng. Doanh thu tăng 05% so với năm trước chủ yếu do phí chứng từ tăng từ tháng 08/2013. Lợi nhuận tài chính giảm nhẹ do lãi suất ngân hàng giảm.

- Mối liên hệ : Công ty liên doanh.

- Lĩnh vực hoạt động chính : Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển.

- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2013 :

+ Doanh thu : 58.055.466.211 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 18.327.329.664 đồng.

3.3.3 - Công ty TNHH China Shipping Việt Nam : Năm 2013 là một năm hoạt động thành công khi công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng do hãng tàu giao. Doanh thu tăng nhẹ 03% và lợi nhuận tăng 14% so với năm 2012.

Về quản lý công ty có thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung thêm Giám đốc Tài chính so phía đối tác cử sang Việt Nam.

- Mối liên hệ : Công ty liên doanh.

- Lĩnh vực hoạt động chính : Dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng đường biển.

- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2013 :

+ Doanh thu : 51.759.335.210 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 12.287.720.033 đồng.

3.3.4 - Công ty Cổ phần Bất Động sản VOSA Land : Công ty cùng với VOSA đang giải quyết các bước nộp tiền giao đất và sau đó xin cấp giấy phép xây dựng cho dự án nhà văn phòng tại số 1-2A Bến Vân Đồn.

- Mối liên hệ : Công ty con.

- Lĩnh vực hoạt động chính : Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà các loại.

- Tình hình tài chính : kết quả kinh doanh năm 2013 :
- + Doanh thu : 229.090.908 đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế : - 1.275.199.746 đồng.

4. Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	483.674.358.122	486.318.803.719	0,5 %
Doanh thu thuần	610.090.537.747	804.350.560.337	32 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.485.893.132	28.357.682.763	-20 %
Lợi nhuận khác	1.293.862.038	3.124.547.292	141,5 %
Lợi nhuận trước thuế	46.735.918.086	42.127.294.205	-10 %
Lợi nhuận sau thuế	38.419.718.220	34.774.472.710	-9,5 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,129	1,177	<i>Hàng tồn kho hầu như không có</i>
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,129	1,177	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,546	0,512	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,220	1,062	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	186.829	74.794	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,261	1,654	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,063	0,043	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,177	0,148	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,079	0,072	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,058	0,035	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2013) :

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 11.650.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp).

+ Số cổ phần tự do chuyển nhượng : 5.005.935 cổ phần.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 6.644.065 cổ phần (đây là số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của các thành viên HĐQT, BKS, cổ đông Nhà nước và cổ đông khác cầm cố).

b) Cơ cấu cổ đông :

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (07 cổ đông)	7.487.465	64,27
2	Cổ đông cá nhân (835 cổ đông)	4.162.535	35,73
	Cộng 1 + 2	11.650.000	100,00
3	Cổ đông lớn (02 cổ đông)	6.714.438	57,63
4	Cổ đông nhỏ (840 cổ đông)	4.935.562	42,37
	Cộng 3 + 4	11.650.000	100,00
5	Cổ đông trong nước (837 cổ đông)	11.320.300	97,17
6	Cổ đông nước ngoài (05 cổ đông)	329.700	2,83
	Cộng 5 + 6	11.650.000	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	5.947.800	51,05
8	Cổ đông khác	5.702.200	48,95
	Cộng 7 + 8	11.650.000	100,00
	842 cổ đông tổ chức và cá nhân	11.650.000	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có.

e) Các chứng khoán khác : Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành :**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

- Trước những khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2013 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2013 :

+ Doanh thu : 600.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế : 39.700.000.000 đồng.

- Đến cuối năm 2013, kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán :

Đơn vị tính : tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	600	804	134 %
2	Lợi nhuận trước thuế	39,7	42,1	106 %

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của công ty luôn tăng trưởng kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho tới năm 2012 nhưng trước những nhận định, đánh giá về nền kinh tế của năm 2013 và dự tính cho hoạt động của công ty trong năm 2013 nên Ban điều hành đã đặt kế hoạch cho năm 2013 thấp hơn so với kết quả thực hiện năm 2012.

- Trên thực tế, dù doanh thu tăng cao so với kế hoạch do một số thân chủ đại lý vận tải dù đã chấm dứt hợp đồng đại lý nhưng tiếp tục ủy thác một số công việc nên doanh thu tuy cao nhưng lợi nhuận thực tế không bằng những năm trước. Mặt khác, do công ty làm dịch vụ trọn gói cho một số lô hàng nên doanh thu cũng tăng lên vì trong doanh thu bao gồm cước vận tải; công tác vận chuyển quặng sắt xuất khẩu được thực hiện tiếp tục trong năm 2013 góp phần làm tăng doanh thu so với kế hoạch dự kiến.

- Doanh thu có tăng so với năm trước nhưng lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính giảm sút khi chi phí đầu vào ngày một tăng cao do biến động về giá xăng dầu và chi phí nhân công tăng. Tuy nhiên giá dịch vụ không tăng.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như :

- + Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.
- + Tăng cường những dịch vụ gia tăng để tăng chất lượng dịch vụ.
- + Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.
- + Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được :

+ Năm 2013, Công ty tiếp tục đạt được một số thành tích trong SXKD, tiết giảm được chi phí quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Đồng thời Công ty giữ vững và tiếp tục phát triển được mạng lưới thân chủ, khách hàng lớn trong nước và quốc tế.

2. Tình hình tài chính :

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013
1	Tổng tài sản	483.674.358.122	486.318.803.719
2	Tổng nợ phải trả	264.144.134.376	249.164.227.369
3	Vốn chủ sở hữu	216.478.309.942	234.727.510.421
4	Tổng doanh thu	610.090.537.747	804.350.560.337
5	Lợi nhuận trước thuế	46.735.918.086	42.127.294.205
6	Lợi nhuận sau thuế	38.419.718.220	34.774.472.710

a) Tình hình tài sản :

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1) Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.484.230.254	3.425.767.958	38.509.761.691	4.306.882.954	99.726.642.857
Tăng trong năm		891.615.463	2.559.320.000	256.627.273	3.707.562.736
Giảm trong năm	(170.436.033)	(962.252.002)	(1.229.521.198)	(2.477.837.644)	(4.840.046.877)
Số cuối năm	53.313.794.221	3.355.131.419	39.839.560.493	2.085.672.583	98.594.158.716
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.099.461.338	2.455.143.337	23.736.718.089	3.136.713.204	59.428.035.968
Khấu hao trong năm	3.326.369.974	312.612.077	2.985.304.035	428.064.292	7.052.350.378
Giảm trong năm	(336.099.099)	(803.844.868)	(1.229.521.198)	(2.258.694.222)	(4.628.159.387)
Số cuối năm	33.089.732.213	1.963.910.546	25.492.500.926	1.306.083.274	61.852.226.959
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.384.768.916	970.624.621	14.773.043.602	1.170.169.750	40.298.606.889
Số cuối năm	20.224.062.008	1.391.220.873	14.347.059.567	779.589.309	36.741.931.757

a.2) Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.228.736.363	2.058.401.584	16.287.137.947
Tăng trong năm	6.032.475.165		6.032.475.165
Thanh lý, nhượng bán		(73.822.284)	(73.822.284)
Số cuối năm	20.261.211.528	1.984.579.300	22.245.790.828
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	208.132.865	474.948.831	683.081.696
Khấu hao trong năm	254.826.699	636.076.436	890.903.135
Thanh lý, nhượng bán		(62.552.284)	(62.552.284)
Số cuối năm	462.959.564	1.048.472.983	1.511.432.547
Giá trị còn lại			

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số đầu năm	14.020.603.498	1.583.452.753	15.604.056.251
Số cuối năm	19.798.251.964	936.106.317	20.734.358.281

a.3) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ					
XDCB dở dang	33.694.845.188	18.894.692.497	250.555.364		52.338.982.321
Cộng	33.694.845.188	18.894.692.497	250.555.364		52.338.982.321

a.4) Tăng, giảm bất động sản đầu tư : các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá	
Số đầu năm	79.161.536.292
Tăng trong năm	250.555.364
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	
Số cuối năm (*)	79.412.091.656
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	15.162.491.748
Khấu hao trong năm	4.309.535.031
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	
Số cuối năm	19.472.026.779
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	63.999.044.544
Số cuối năm	59.940.064.877

- Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau :

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	11.311.743.476	7.748.445.856
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.309.535.031	4.332.028.104
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
D.thu/ Tổng tài sản BQ	1,29	1,66
D.thu/ Tài sản dài hạn BQ	3,22	4,06
DT/Ng.giá TSCĐ BQ	3,24	6,79
LNST/ Tổng tài sản BQ	0,08	0,07
LNST/ Tài sản dài hạn BQ	0,20	0,18
LNST /Ng.giá TSCĐ BQ	0,20	0,29

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	1.520.962.515	949.359.670
Trích lập dự phòng bổ sung	280.771.690	1.856.941.609
Hoàn nhập dự phòng	(29.700.961)	
Xử lý xóa nợ	(822.673.574)	
Số cuối năm dự phòng phải thu	949.359.670	2.806.301.279
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,60%	4,41%
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	1,35%	3,84%

b) Tình hình nợ phải trả :

- Tình hình nợ hiện tại : Công ty có nợ vay của một cá nhân 05 tỷ đồng để thế chân trong ngân hàng phục vụ việc làm hàng tạm nhập tái xuất. Khoản nợ vay người lao động trong năm 2012 đã được trả hết.

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Nợ phải trả, trong đó :	264.144.134.376	249.164.227.369
<i>Nợ ngắn hạn</i>	260.441.026.724	237.650.198.617
<i>Nợ dài hạn</i>	3.703.107.652	11.514.028.752
Vốn chủ sở hữu	216.478.309.942	234.727.510.421
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	1,129	1,177
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,129	1,177
Hệ số Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	1,22	1,06
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,03

- Công ty không có nợ phải trả không thể thanh toán.

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	9.970.303.930	2.368.858.110
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	9.554.306.151	2.123.279.995
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	415.997.779	245.578.115

Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	1.304.713.189	968.414.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.304.713.189	968.414.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
(A) – (B)	8.665.590.741	1.400.443.331
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	19%	3,3%

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Chi phí lãi vay	40.002.000	0
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0,09%	0

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.

- Phần mềm quản trị ERP đã được đưa vào sử dụng từ ngày 01/07/2012 và đang trong quá trình ứng dụng, hoàn thiện. Việc sử dụng phần mềm hiện nay đã có những hiệu quả nhất định, giúp cho công tác tài chính kế toán, tổ chức nhân sự và công tác quản trị được tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Xây dựng VOSA thành một công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển truyền thống, đại lý vận tải và logistics, thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics : tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức, khai thác cảng trong tương lai.

- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.

- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

4.1 - Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2014 :

Đơn vị tính : VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	KH 2014	Tỷ lệ PP
1	Vốn Điều lệ	116.500.000.000	116.500.000.000	-
2	Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh	804.350.560.337	750.000.000.000	
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	42.127.294.205	54.000.000.000	
4	Lợi nhuận sau thuế	34.774.472.710	47.400.000.000	
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.039	4.068	-
6	Cổ tức (%)	10%	12%	-

4.2 - Kế hoạch đầu tư năm 2014:

4.2.1 - Các dự án xây dựng đang thực hiện các năm chuyển sang năm 2014 :

a) Dự án Trung tâm điều hành SXKD VOSA – Số 1 Bến Vân Đồn.

- Công ty tiến hành xin điều chỉnh quy mô dự án còn 10 tầng và thẩm định lại giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính để sở hữu khu đất số 01 Bến Vân Đồn, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục chuyển cho VOSALAND lập dự án, huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện dự án.

b) Dự án văn phòng VITAMAS :

- Công ty đã tiến hành lập Dự án đầu tư, sau khi dự án đầu tư được phê duyệt, Ban Điều hành sẽ tiến hành thiết kế kỹ thuật thi công. Dự kiến khởi công xây dựng tháng 09/2014, hoàn thành tháng 09/2015. Tổng vốn đầu tư ước tính 26,8 tỷ đồng.

4.2.2 - Các dự án xây dựng mới năm 2014:

a) Dự án VOSA Quảng Ninh :

- Xây dựng mới nhà kho IC 4.500 m² tại kho bãi Cái Lân. Tổng mức đầu tư dự kiến 10,575 tỷ đồng.

- Cải tạo sửa chữa nhà làm việc tại số 70 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh.

b) Mua sắm thiết bị :

- Tiếp tục đầu tư, phương tiện, ô tô phục vụ SXKD tại các chi nhánh, ước tính khoảng 02 tỷ đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

- Năm 2013 là năm có nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định, nhất là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và phát triển được các dịch vụ, đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, hiệu quả cao. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 3.039 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty :

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban điều hành đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên trong Ban điều hành nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành cũng như đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý. Ban điều hành đã ban hành các quyết định để thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh chủ động trong công việc, áp dụng các biện pháp hiệu quả để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí v.v.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2013.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Năm 2014, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn khi chưa có những dấu hiệu khởi sắc của sự phục hồi và cho thấy còn nhiều thách thức dự báo vẫn còn đang ở phía trước.

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng, kế hoạch, nhiệm vụ tổng quát cho năm 2014 như sau :

+ Tiếp tục phát huy lợi thế kinh doanh của VOSA trên cơ sở duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống đã có thương hiệu trong và ngoài nước như : đại lý tàu, đại lý vận tải, logistics, liner, giao nhận, phân phối, thương mại xuất nhập khẩu v.v. trên cơ sở chiến lược chung và định hướng của Tổng Công ty.

+ Phần đầu giữ vững mục tiêu tăng trưởng cả về loại hình dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận; có điều chỉnh kịp thời khi có biến động ở thị trường dịch vụ hàng hải và logistics quốc tế và trong nước. bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2013.

+ Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư xây dựng phát triển có chiều sâu với hiệu quả cao nhất: Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đầu tư mua sắm phương tiện như xe, cầu, trang thiết bị hiện đại v.v... để nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ cho việc phát triển chuỗi dịch vụ logistics; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài.

+ Thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm thiết bị, vật dụng không cần thiết v.v. Tiếp tục phấn đấu cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý từ 5 - 7%.

+ Kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty đối với chi nhánh.

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một chiến lược quan trọng và lâu dài vì vậy Công ty tiếp tục có cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm những người có bản lĩnh vững vàng, có năng lực đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hoá cán bộ. Xây dựng hệ thống thang, bảng lương mới cho phù hợp với mục tiêu trên để phát triển nguồn nhân lực cho toàn doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục hoàn thiện Phần mềm Lemon3-ERP, đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty đại chúng.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc đăng ký, lưu ký chứng khoán theo quy định; Xây dựng kế hoạch và các thủ tục cần thiết để đưa Công ty lên niêm yết tại Sàn giao dịch chứng khoán vào năm 2015.

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT/HĐTV tại các Công ty khác
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	4
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	4
3	Trần Dũng Kháng	UV HĐQT	0,03	Thành viên không điều hành	0
4	Hoàng Hoa Phòng	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	1
5	Trịnh Vũ Khoa	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0
6	Tô Hiếu Thuận	UV HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ/HĐQT-NK2	21/01/2013	1. HĐQT thông qua báo cáo của Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần thứ 04/2012 (ngày 12/10/2012). 2. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2012 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2013. 3. Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai. 4. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 14/TT-TGD ngày 18/01/2013 của Tổng Giám đốc; HĐQT nhất trí tán thành không mua 08% cổ phần còn lại của VOSALAND. 5. Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình số 15/TT-TGD ngày 18/01/2013 của Tổng Giám đốc về việc Quỹ tiền lương năm 2012 của Ban điều hành. 6. Hội đồng quản trị thông qua việc giao BDH thuê tư vấn để xây dựng lại quy chế trả lương và thang, bảng lương cho Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.

2	01A/2013/NQ/HĐQT-NK2	21/01/2013	<p>1. Hội đồng quản trị thông qua việc Công nhận việc góp giá trị quyền sử dụng đất tại số 01 Bến Vân Đồn, thửa đất số 39, tờ bản đồ số 04 tại phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 1.836m² theo GCNQSDĐ số AN 022304 vào Công ty CP BĐS Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSALAND) với giá trị 46,5 tỷ đồng theo Biên bản thỏa thuận góp vốn ký ngày 21/09/2009 giữa Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) và các cổ đông sáng lập của VOSALAND;</p> <p>2. Mọi chi phí xin cấp, chuyển nhượng, phí trước bạ, thuế, phí công chứng vv... cho việc xin cấp và sang tên Giấy chứng nhận QSDĐ tại số 01 Bến Vân Đồn sẽ do VOSALAND chịu trách nhiệm chi trả;</p> <p>7. Trong trường hợp VOSALAND phải chuyển tiền thông qua tài khoản của VOSA để thực hiện nghĩa vụ tài chính của khu đất số 01 Bến Vân Đồn, VOSA cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật là sẽ chuyển ngay số tiền đó vào tài khoản theo yêu cầu của Cục thuế, của VOSALAND, không kéo dài thời gian và không sử dụng vào bất kỳ mục đích khác.</p>
3	02/2013/NQ/HĐQT-NK2	09/05/2013	<p>1. HĐQT thông qua Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.</p> <p>2. HĐQT thông qua Báo cáo của TGD về kế hoạch SXKD năm 2013.</p> <p>3. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai.</p> <p>4. HĐQT thông qua việc “Bán phần vốn góp của VOSA trong Công ty TNHH Yusen Logistics Solution Vietnam (YLSV) cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd và thành lập Công ty liên doanh mới chuyên về dịch vụ vận tải đường bộ với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd</p> <p>5. HĐQT thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2013 vào ngày 04/06/2013.</p> <p>6. Thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, gồm :</p> <p>6.1. Báo cáo thường niên năm 2013.</p> <p>6.2. Phân phối lợi nhuận năm 2012 : căn cứ kết quả Lợi nhuận thực hiện năm 2012 đạt cao hơn kế hoạch, Hội đồng quản trị nhất trí trình Đại hội cổ đông thông qua mức chia cổ tức là 10% (tăng 2% so với Nghị quyết Đại hội cổ đông 2012).</p> <p>6.3. Kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2013.</p> <p>6.4. Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2013.</p> <p>6.5. Đề xuất Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2013.</p>
4	03/2013/NQ/HĐQT-NK2	19/09/2013	<p>1. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện SXKD 08 tháng đầu năm 2013.</p> <p>2. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai.</p> <p>3. V/v đầu tư liên doanh :</p> <p>- HĐQT thông qua tờ trình số 220/TT-HĐQT ngày 13/09/2013 của Chủ tịch HĐQT v/v thành lập Công ty liên doanh với Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd (Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam).</p> <p>4. HĐQT thông qua việc giao Ban điều hành tiến hành thuê tư vấn xây dựng Thang, bảng lương mới cho Công ty, trình HĐQT xem xét, phê duyệt trong thời gian tới.</p> <p>5. Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2013 :</p> <p>- HĐQT thông qua việc chọn công ty TNHH DELOITTE Việt Nam làm kiểm toán năm 2013 cho Công ty và giao BĐH tiến hành thương thảo giá cả và cách thức làm việc với công ty DELOITTE Việt Nam.</p> <p>6. Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty về việc chuyển Trụ sở đăng ký của Công ty :</p> <p>- Giao cho Chủ tịch HĐQT và TGD tiến hành xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định v/v sửa đổi Điều 3, Điều 2, Chương II của Điều lệ Cty về chuyển Trụ sở Công ty về tại lầu 5, tòa nhà PetroLand, số 12, Đường Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP. HCM.</p>

5	04/2013/NQ/HĐQT-NK2	11/12/2013	<p>1. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện hoạt động SXKD 11 tháng và ước thực hiện năm 2013.</p> <p>2. HĐQT thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai.</p> <p>3. HĐQT thông qua việc đầu tư liên doanh với Yusen Logistics như sau :</p> <p>3.1. Về việc bán phần vốn góp của VOSA trong Công ty Yusen Logistics Solution Việt Nam :</p> <p>- HĐQT thông qua tờ trình số 333/TT-HĐQT ngày 10/12/2013 của Tổng Giám đốc v/v bán phần vốn góp của VOSA trong Công ty Yusen Logistics Solution (Vietnam) cho Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd., theo đề nghị phân kỳ chuyển nhượng của Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.,</p> <p>3.2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận chưa phân phối của Công ty Yusen Logistics Solution Việt Nam :</p> <p>- HĐQT thông qua tờ trình số 334/TT-HĐQT ngày 10/12/2013 của Tổng Giám đốc v/v phân chia lợi nhuận còn lại chưa phân phối (tính đến ngày 31/03/2014) của Công ty Yusen Logistics Solution (Vietnam).</p> <p>4. Công tác nhân sự lãnh đạo Công ty :</p> <p>4.1. HĐQT thông nhất trí thông qua việc bổ nhiệm lại ông Hoàng Hoa Phòng tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Northfreight.</p> <p>4.2. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc bổ nhiệm lại ông Trịnh Vũ Khoa tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh VOSA Quảng Ninh.</p> <p>5. Về việc Đăng ký và lưu ký chứng khoán.</p> <p>6. Về việc Tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác SXKD năm 2013.</p>
6	01/2013/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	30/03/2013	1. Hội đồng quản trị nhất trí đề cử ông <i>Phạm Mạnh Cường</i> – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam tham gia bổ sung vào Hội đồng thành viên Công ty TNHH NYK Line Việt Nam.
7	02/2013/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	02/05/2013	1. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm ông <i>Phan Văn Khánh</i> – Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.
8	03/2013/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	24/06/2013	1. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua “ <i>Dự án đầu tư mua văn phòng</i> ” tại tòa nhà Petroland Tower, số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.
9	04/2013/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	01/07/2013	1. Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm lại ông <i>Hoàng Văn Đưa</i> tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn.
10	05/2013/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	02/07/2013	1. Hội đồng quản trị Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2012 của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam, như sau : - Tỷ lệ chi trả cổ tức : 10% mệnh giá (1.000 đồng/cổ phần). - Hình thức chi trả : bằng tiền mặt. - Thời điểm chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức : 16h30 thứ Tư, ngày 31/07/2013. - Thời điểm chi trả cổ tức : từ thứ Năm, ngày 15/08/2013.
11	06/2013/NQ/HĐQT-NK2-THYK (Xin ý kiến bằng văn bản)	04/07/2013	I. Thông qua phương án phân phối tiền thưởng của HĐQT, BĐH, BKS năm 2012 và thù lao HĐQT năm 2013.
12	01/BBKP-HĐQT (Xin ý kiến bằng văn bản)	15/11/2013	- ĐHDCĐ thông qua việc sửa đổi Điểm 3, Điều 2, Chương II của Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam như sau : + Trụ sở đăng ký của công ty là : Lầu 5, số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành :

- Giúp cho HĐQT trong quan hệ với các cổ đông lớn của VOSA, tư vấn nâng cao khả năng quản lý tài chính và công tác quản trị công ty.

- Góp ý kiến cho HĐQT trong công tác tư vấn đầu tư, các vấn đề liên quan đến công ty đại chúng.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty :

- Ông Phạm Mạnh Cường.
- Ông Vũ Xuân Trung;
- Ông Tô Hiếu Thuận.

2. Ban Kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng BKS	0,01	
2	Võ Trung Thắng	UV BKS	0,004	
3	Đặng Huy Lập	UV BKS	0,02	
4	Phùng Thị Nga	UV BKS	0,11	
5	Dương Như Hùng	UV BKS	0,00	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Ban kiểm soát có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tháng về tình hình sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty, thu thập thông tin, giám sát mức độ thận trọng, tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị, điều hành của Ban Điều hành Công ty và các Cán bộ quản lý khác theo đúng chức năng nhiệm vụ, bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến điều hành sản xuất của Công ty.

- Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

a) Tiền thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

TT	Họ và Tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)	Tiền thưởng (VNĐ)
1	Phạm Mạnh Cường	CT HĐQT	120.000.000	111.385.701
2	Vũ Xuân Trung	TV HĐQT kiêm TGD	108.000.000	111.385.701
3	Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó TGD	0	74,257,134
4	Trần Dũng Kháng	CV HĐQT	96.000.000	95,884,525
5	Hoàng Hoa Phòng	TV HĐQT – P.TGD	96.000.000	92,821,418

6	Trịnh Vũ Khoa	TV HĐQT – P.TGD	96.000.000	92,821,418
7	Tô Hiếu Thuận	TV HĐQT	96.000.000	74,257,134
8	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng BKS	81.600.000	60,333,922
9	Võ Trung Thắng	TV BKS	69.600.000	46,410,709
10	Đặng Huy Lập	TV BKS	69.600.000	46,410,709
11	Phùng Thị Nga	TV BKS	69.600.000	46,410,709
12	Dương Như Hùng	TV BKS	69.600.000	46,410,709
	Cộng		1.008.000.000	1.065.868.341

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 102/2010/TT-BTC, Điều lệ và các qui chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty :**

- Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính : do Công ty có các công ty liên doanh với Nhật Bản, các công ty này có niên độ tài chính kết thúc vào 31/03 hàng năm, nên Công tác Kiểm toán Báo cáo tài chính Hợp nhất còn chậm, chưa đúng 90 ngày theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC. Vì vậy việc công bố thông tin về Báo cáo này chưa kịp thời. Hàng năm Công ty có công văn giải trình với UBCK và cổ đông về vấn đề này.

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông chưa đúng thời hạn quy định : Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

- Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc :

+ Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và Tổng Giám đốc để thuận lợi cho công tác điều hành kinh doanh hàng ngày.

+ Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, trong năm 2014, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục về đề cử, ứng cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS và Tổng Giám đốc điều hành.

VII. Báo cáo tài chính :

1. Ý kiến kiểm toán :

Số: 622 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 04 năm 2014, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư đầu năm của các khoản mục bao gồm người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và khoản vay dài hạn được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền lần lượt là 8.122.483.829 đồng, 34.643.960.756 đồng và 3.078.906.000 đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 23 của bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và khoản vay dài hạn được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền lần lượt là 26.977.478.756 đồng và 3.078.906.000 đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã phát hành báo cáo kiểm toán viên ngày ngày 30 tháng 3 năm 2013 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến số dư của các khoản mục bao gồm người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và khoản vay dài hạn được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền lần lượt là 8.122.483.829 đồng, 34.643.960.756 đồng và 3.078.906.000 đồng do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp.



Lê Chí Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 15 tháng 4 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0401-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013***MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		279.679.750.892	294.154.608.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	143.214.734.424	180.438.636.959
1. Tiền	111		83.291.034.424	85.159.588.294
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.923.700.000	95.279.048.665
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.775.229.401	96.121.923.929
1. Phải thu khách hàng	131		98.008.551.933	75.769.373.835
2. Trả trước cho người bán	132		2.205.528.661	1.707.185.395
3. Các khoản phải thu khác	135	7	18.462.513.601	19.594.724.369
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.901.364.794)	(949.359.670)
IV. Hàng tồn kho	140		14.148.600	5.083.256
1. Hàng tồn kho	141		14.148.600	5.083.256
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.675.638.467	16.588.964.423
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.403.752.196	538.894.572
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.731.729.632	5.283.443.562
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	19	59.310.479	93.013.658
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	9.480.846.160	10.673.612.631

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013***MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		206.639.052.827	189.519.749.555
I. Tài sản cố định	220		109.815.272.359	89.597.508.328
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	36.741.931.757	40.298.606.889
- Nguyên giá	222		98.594.158.716	99.726.642.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.852.226.959)	(59.428.035.968)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	20.734.358.281	15.604.056.251
- Nguyên giá	228		22.245.790.828	16.287.137.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.511.432.547)	(683.081.696)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	52.338.982.321	33.694.845.188
II. Bất động sản đầu tư	240	12	59.940.064.877	63.999.044.544
1. Nguyên giá	241		79.412.091.656	79.161.536.292
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.472.026.779)	(15.162.491.748)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.353.791.111	31.950.009.701
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	3.281.370.000	3.281.370.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	19.591.543.822	18.187.921.513
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	13.705.997.607	14.205.838.506
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(3.225.120.318)	(3.725.120.318)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.529.924.480	3.973.186.982
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	2.249.091.178	2.718.725.065
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	461.002.158	461.002.158
3. Tài sản dài hạn khác	268		819.831.144	793.459.759
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		486.318.803.719	483.674.358.122

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

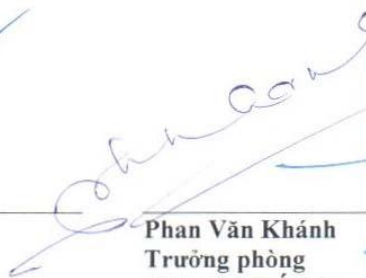
MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		249.164.227.369	264.144.134.376
I. Nợ ngắn hạn	310		237.650.198.617	260.441.026.724
1. Phải trả người bán	312		73.383.377.976	61.988.774.591
2. Người mua trả tiền trước	313		6.520.458.257	15.523.720.437
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	10.852.692.453	7.917.951.964
4. Phải trả người lao động	315		33.985.774.522	39.105.889.981
5. Chi phí phải trả	316	20	8.909.295.494	13.624.544.139
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	94.801.734.783	112.171.201.793
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.196.865.132	10.108.943.819
II. Nợ dài hạn	330		11.514.028.752	3.703.107.652
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	3.435.122.752	624.201.652
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	8.078.906.000	3.078.906.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		234.727.510.421	216.478.309.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	234.727.510.421	216.478.309.942
1. Vốn cổ phần	411		116.500.000.000	116.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		37.288.898.119	31.539.986.745
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.320.321.302	8.404.017.511
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10.418.416.972	8.384.352.423
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60.199.874.028	51.649.953.263
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25	2.427.065.929	3.051.913.804
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		486.318.803.719	483.674.358.122



Võ Trung Thắng
Người lập biểu



Phan Văn Khánh
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

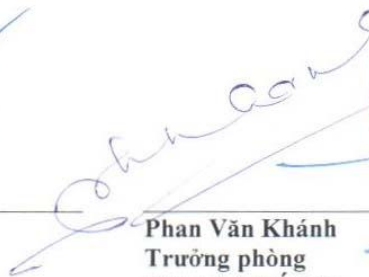
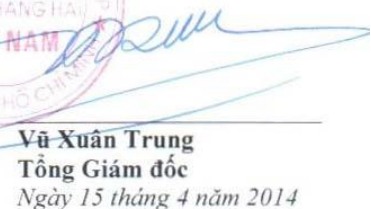
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		804.350.560.337	610.090.537.747
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	804.350.560.337	610.090.537.747
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		719.221.083.066	528.092.729.378
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		85.129.477.271	81.997.808.369
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.053.768.395	24.332.015.921
6. Chi phí tài chính	22	30	968.414.779	1.844.715.189
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	40.002.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		67.857.148.124	68.999.215.969
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		28.357.682.763	35.485.893.132
9. Thu nhập khác	31		12.024.400.599	6.294.038.339
10. Chi phí khác	32		8.899.853.307	5.000.176.301
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40	31	3.124.547.292	1.293.862.038
12. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	50		10.645.064.150	9.956.162.916
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		42.127.294.205	46.735.918.086
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	32	7.352.821.495	8.316.199.866
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	18	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		34.774.472.710	38.419.718.220
Phân bổ cho:				
- Cổ đông thiểu số			(624.847.875)	(322.355.384)
- Cổ đông của công ty mẹ			35.399.320.585	38.742.073.604
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	33	3.039	3.325


Võ Trung Thắng
Người lập biểu

Phan Văn Khánh
Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013***MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.127.294.205		46.735.918.086	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.252.788.544		11.658.342.427	
- Các khoản dự phòng	03	1.952.005.124		(71.602.845)	
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(245.578.115)		(415.997.779)	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.608.617.426)		(24.820.874.906)	
- Chi phí lãi vay	06	-		40.002.000	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.477.892.332		33.125.786.983	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(23.555.475.998)		4.856.507.476	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(9.065.344)		(4.513.296)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	(20.388.467.806)		11.990.803.284	
Thay đổi chi phí trả trước	12	(172.066.247)		(715.646.096)	
Tiền lãi vay đã trả	13	-		(40.002.000)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.238.383.782)		(9.848.009.187)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.192.766.471		2.915.787.112	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.102.425.995)		(8.076.119.251)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.795.226.369)		34.204.595.025	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(27.722.448.398)		(10.685.987.222)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	278.642.991		502.999.999	
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)		(17.700.000.000)	
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-		18.200.000.000	
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.116.752.962		21.206.389.412	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.327.052.445)		11.523.402.189	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.000.000.000		4.860.768.249	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-		(9.260.768.249)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(11.661.882.500)		(13.983.300.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.661.882.500)		(18.383.300.000)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(37.784.161.314)		27.344.697.214	
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	180.438.636.959		152.677.941.966	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	560.258.779		415.997.779	
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm (70=50+60+61)	70	143.214.734.424		180.438.636.959	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 912.282.000 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 1.198.440.787 đồng (năm 2012: 1.708.385.806 đồng), là số tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Võ Trung Thắng Người lập biểu	Phan Văn Khánh Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Vũ Xuân Trung Tổng Giám đốc <i>Ngày 15 tháng 4 năm 2014</i>
---	--	--

1. THÔNG TIN CHUNG**Công ty mẹ*****Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 698 người (31 tháng 12 năm 2012: 727 người).

Công ty mẹ có văn phòng chính tại tầng 5, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	Số 70 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hà Nội	Phòng 707 (lầu 7), số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
4 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Bến Thủy	Số 86 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
5 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Đà Nẵng	Số 52, đường Pasteur, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
6 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quy Nhơn	Số 147 đường Trần Hưng Đạo, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
7 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Nha Trang	Số 94, đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
8 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Vũng Tàu	Số 4, Quang Trung, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
9 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Sài Gòn	Số 3-5-7 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
10 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Cần Thơ	Số 53A-B đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
11 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý vận tải Quốc tế phía Bắc	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
12 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ hàng hải Phương Đông	Số 54 đường Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
13 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý, dịch vụ hàng hải và thương mại	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
14 Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải.	Số 44-46 đường Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7 **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển (cung cấp thực phẩm, nước ngọt) và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan); sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hoá trong và ngoài nước gồm: hoá chất phục vụ sản xuất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy; bốc xếp hàng hoá; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ tiếp vận; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan.

Các công ty con

- 1) Công ty TNHH SYMS Việt Nam (gọi tắt là “Công ty SYMS”) là Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000159 ngày 26 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty là cung cấp dịch vụ hàng hải, dịch vụ đại lý giao nhận hàng hoá nội địa và quốc tế, dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá, dịch vụ thông quan. Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể vào ngày 29 tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này.
- 2) Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (gọi tắt là “Vosa Land”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309586799 ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Hoạt động chính của Vosa Land là kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích, kỹ thuật dân dụng; khách sạn – nhà hàng; dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và đường hàng không), dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương (trừ hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến); kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kho ngoại quan). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ vốn góp thực tế và quyền biểu quyết của Công ty tại Vosa Land lần lượt là 44% và 51%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7 **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của của các cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi các cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà kho, sân bãi và hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nhà kho, sân bãi và hạ tầng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ bốn đến hai mươi năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê là 37 năm. Chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến hai năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.133.559.429	2.060.886.104
Tiền gửi ngân hàng	81.157.474.995	83.098.702.190
Các khoản tương đương tiền	59.923.700.000	95.279.048.665
	<u>143.214.734.424</u>	<u>180.438.636.959</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng của khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam là từ 5% đến 8%, của khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ là 0,25% (31 tháng 12 năm 2012: Tiền gửi kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 8% đến 9%).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là 7,5% (31 tháng 12 năm 2012: kỳ hạn chín tháng với lãi suất hàng năm được hưởng là 9%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	184.969.559	438.096.039
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.013.471.228	1.286.889.767
Tiền sử dụng đất (*)	14.589.000.000	180.864.613
Chi phí vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ và các chi phí khác có liên quan cho các hãng tàu	2.480.145.859	16.284.717.337
Khoản phải thu khác	194.926.955	1.404.156.613
	<u>18.462.513.601</u>	<u>19.594.724.369</u>

(*) Tiền sử dụng đất thể hiện khoản tiền mà Công ty mẹ bị Chi cục thuế Quận 4 cưỡng chế nộp liên quan đến tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp để chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất theo Công văn số 6269/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, đồng thời phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất cho khu đất 1.836m², tại địa chỉ số 01 Bến Vân Đồn, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ đang thực hiện các thủ tục để điều chỉnh quy mô dự án và xác định lại tiền sử dụng đất phải nộp như trình bày tại Thuyết minh số 11.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	2.986.401.160	7.095.917.631
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	6.494.445.000	3.577.695.000
	<u>9.480.846.160</u>	<u>10.673.612.631</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	53.484.230.254	3.425.767.958	38.509.761.691	4.306.882.954	99.726.642.857
Tăng trong năm	-	891.615.463	2.559.320.000	256.627.273	3.707.562.736
Thanh lý, nhượng bán	(48.000.000)	-	(1.176.349.561)	(318.182.066)	(1.542.531.627)
Phân loại lại (*)	(122.436.033)	(962.252.002)	(53.171.637)	(2.159.655.578)	(3.297.515.250)
Tại ngày 31/12/2013	<u>53.313.794.221</u>	<u>3.355.131.419</u>	<u>39.839.560.493</u>	<u>2.085.672.583</u>	<u>98.594.158.716</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	30.099.461.338	2.455.143.337	23.736.718.089	3.136.713.204	59.428.035.968
Khấu hao trong năm	3.326.369.974	312.612.077	2.985.304.035	428.064.292	7.052.350.378
Thanh lý, nhượng bán	(48.000.000)	-	(1.176.349.561)	(318.182.066)	(1.542.531.627)
Phân loại lại (*)	(288.099.099)	(803.844.868)	(53.171.637)	(1.940.512.156)	(3.085.627.760)
Tại ngày 31/12/2013	<u>33.089.732.213</u>	<u>1.963.910.546</u>	<u>25.492.500.926</u>	<u>1.306.083.274</u>	<u>61.852.226.959</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>20.224.062.008</u></u>	<u><u>1.391.220.873</u></u>	<u><u>14.347.059.567</u></u>	<u><u>779.589.309</u></u>	<u><u>36.741.931.757</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>23.384.768.916</u></u>	<u><u>970.624.621</u></u>	<u><u>14.773.043.602</u></u>	<u><u>1.170.169.750</u></u>	<u><u>40.298.606.889</u></u>

(*) Phân loại lại giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nhỏ hơn 30.000.000 đồng) sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng hai năm theo quy định của Thông tư số 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 21.553.192.580 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 24.723.491.929 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	14.228.736.363	2.058.401.584	16.287.137.947
Tăng trong năm	5.953.246.647	-	5.953.246.647
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	79.228.518	-	79.228.518
Phân loại lại (*)	-	(73.822.284)	(73.822.284)
Tại ngày 31/12/2013	<u>20.261.211.528</u>	<u>1.984.579.300</u>	<u>22.245.790.828</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	208.132.865	474.948.831	683.081.696
Khấu hao trong năm	254.826.699	636.076.436	890.903.135
Phân loại lại (*)	-	(62.552.284)	(62.552.284)
Tại ngày 31/12/2013	<u>462.959.564</u>	<u>1.048.472.983</u>	<u>1.511.432.547</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>19.798.251.964</u></u>	<u><u>936.106.317</u></u>	<u><u>20.734.358.281</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>14.020.603.498</u></u>	<u><u>1.583.452.753</u></u>	<u><u>15.604.056.251</u></u>

(*) Phân loại lại giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nhỏ hơn 30.000.000 đồng) sang chi phí trả trước và phân bổ hết vào chi phí trong năm theo quy định của Thông tư số 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một số phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 83.700.000 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 113.122.284 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Công trình xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 01 Bến Vân Đồn (*)	33.663.517.860	33.663.517.860
Chi phí mua một phần tầng 5 Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	18.618.000.000	-
Các công trình khác	57.464.461	31.327.328
	<u><u>52.338.982.321</u></u>	<u><u>33.694.845.188</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

(*) Công trình xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại lô đất số 01 Bến Vân Đồn đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục để chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo Công văn số 6269/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 139A/TB-CT-QLĐ ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền sử dụng đất mà Công ty mẹ phải nộp thêm là 86.126.564.320 đồng. Tuy nhiên, Công ty mẹ chưa ghi nhận số tiền này vào giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vì Công ty mẹ đang thực hiện các thủ tục để điều chỉnh lại quy mô dự án và xác định lại tiền sử dụng đất phải nộp. Theo Công văn số 16155/BTC-QLCS do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2012, nếu tiền sử dụng đất cộng với phạt chậm nộp tiền sử dụng đất lớn hơn tiền sử dụng đất xác định theo giá đất tại thời điểm tính thu tiền sử dụng đất (thời điểm hiện nay) thì Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, cho phép xác định tiền sử dụng đất theo chính sách và giá đất tại thời điểm tính thu tiền sử dụng đất (thời điểm hiện nay).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà kho, sân bãi
và hạ tầng cho thuê
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2013	79.161.536.292
Tăng trong năm	187.068.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	63.487.364
Tại ngày 31/12/2013	<u>79.412.091.656</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	15.162.491.748
Khấu hao trong năm	4.309.535.031
Tại ngày 31/12/2013	<u>19.472.026.779</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013	<u><u>59.940.064.877</u></u>
---------------------	------------------------------

Tại ngày 31/12/201263.999.044.544

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một số bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 3.570.773.090 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 3.298.174.000 đồng).

Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty cần phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kho dầu tại cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh	3.298.174.000	3.298.174.000
Kho bãi tại cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh	38.787.706.117	38.537.150.753
Kho thức ăn chăn nuôi	33.365.780.964	33.365.780.964
Kho bãi tại khu công nghiệp An Đồn, huyện Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	1.361.151.837	1.361.151.837
Kho bãi tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	2.599.278.738	2.599.278.738
	<u>79.412.091.656</u>	<u>79.161.536.292</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty TNHH SYMS Việt Nam. Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty vẫn chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này. Do đó, khoản đầu tư vào công ty con này được trình bày theo giá gốc.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	49	49	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển.
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	40	40	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá, trừ vận tải nội địa; dịch vụ thông quan, chi tiết, dịch vụ khai thuế hải quan; các dịch vụ giúp đỡ và hỗ trợ vận tải khác, bao gồm môi giới hàng hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
- Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam)	3.158.540.000	3.158.540.000
- Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	3.175.492.779	3.175.492.779
Phần lợi nhuận của Công ty mẹ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	13.257.511.043	11.853.888.734
Tổng	<u>19.591.543.822</u>	<u>18.187.921.513</u>
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	201.059.411.090	217.342.159.606
Tổng công nợ	(156.578.227.908)	(175.900.668.554)
Tài sản thuần	44.481.183.182	41.441.491.052
Phân tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết, liên doanh	<u>19.591.543.822</u>	<u>18.187.921.513</u>
	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần	109.814.801.421	105.774.358.067
Lợi nhuận thuần	23.443.296.733	21.862.219.041
Lợi nhuận thuần của Công ty mẹ từ khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.	<u>10.645.064.150</u>	<u>9.956.162.916</u>
15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC		
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<u>Đầu tư cổ phiếu dài hạn</u>		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	7.400.160.000	7.400.160.000
- Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	2.020.000.000	2.020.000.000
<u>Đầu tư vào đơn vị khác</u>		
- Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam	3.259.716.000	3.259.716.000
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	500.000.000	500.000.000
- Công ty Liên doanh Bông Sen	526.121.607	525.962.506
- Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải	-	500.000.000
	<u>13.705.997.607</u>	<u>14.205.838.506</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty mẹ sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam, trước đây là Công ty TNHH NYK Logistics Việt Nam, nhưng theo Thỏa thuận ghi nhớ giữa Công ty mẹ và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. (gọi tắt là “Yusen Singapore” - đồng chủ sở hữu trong Yusen Việt Nam), trước đây là Công ty NYK Logistics Pte. Ltd., ký kết ngày 30 tháng 3 năm 2007, Công ty mẹ đã nhượng toàn bộ quyền quản lý hoạt động hàng ngày tại Yusen Việt Nam cho Yusen Singapore và các đại diện của Công ty mẹ trong Hội đồng Thành viên của Yusen Việt Nam không được phản đối các đề xuất của đại diện Yusen Singapore về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Yusen Việt Nam, bao gồm nhưng không hạn chế bởi việc đầu tư xây dựng, đầu tư các kho bãi mới cũng như chuyển nhượng các kho bãi này cho các kho bãi khác cho các công ty khác thuộc Tập đoàn NYK. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Yusen Việt Nam không thuộc sự kiểm soát của Công ty mẹ, đồng thời Công ty mẹ cũng không có ảnh hưởng đáng kể đối với hoạt động kinh doanh của công ty này.

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	1.381.111.688	1.381.111.688
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	1.844.008.630	1.844.008.630
Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải	-	500.000.000
	<u>3.225.120.318</u>	<u>3.725.120.318</u>

Trong năm, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải với số tiền là 500.000.000 đồng do không có khả năng thu hồi khoản đầu tư này. Do đó, khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải được điều chỉnh giảm tương ứng.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	169.303.721	137.316.607
Tiền thuê đất trả trước	1.771.456.578	2.479.244.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	308.330.879	102.163.500
	<u>2.249.091.178</u>	<u>2.718.725.065</u>

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Các khoản dự phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	-	461.002.158	461.002.158
Tại ngày 31/12/2012	-	461.002.158	461.002.158
Ghi nhận vào chi phí trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	-	461.002.158	461.002.158

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	404.188.126	380.350.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.909.045.089	1.794.607.376
Thuế thu nhập cá nhân	790.653.530	1.082.037.307
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	510.900
Tiền thuê đất	433.364.000	1.462.965.000
Thuế khác	7.315.441.708	3.197.480.653
	10.852.692.453	7.917.951.964

Tình hình tăng, giảm khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2013 <u>VND</u>	Số phải nộp trong năm <u>VND</u>	Số đã nộp trong năm <u>VND</u>	Tại ngày 31/12/2013 <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	380.350.728	44.042.801.842	(44.018.964.444)	404.188.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.776.787.121	7.352.821.495	(7.238.383.782)	1.891.224.834
Thuế thu nhập cá nhân	1.058.307.457	4.770.677.621	(5.079.821.772)	749.163.306
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	510.900	14.471.200	(14.982.100)	-
Tiền thuê đất	1.462.965.000	1.566.094.748	(2.595.695.748)	433.364.000
Thuế khác	3.146.017.100	32.366.872.439	(28.197.447.831)	7.315.441.708
	7.824.938.306	90.113.739.345	(87.145.295.677)	10.793.381.974
Trong đó				
- Thuế và các khoản phải thu	93.013.658			59.310.479
- Thuế và các khoản khác phải nộp	7.917.951.964			10.852.692.453

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Chi phí đại lý vận tải	3.401.667.410	3.184.347.460
Giá trị công trình xây dựng cơ bản chưa quyết toán khối lượng hoàn thành	4.111.566.601	4.390.698.496
Chi phí khác	1.396.061.483	6.049.498.183
	8.909.295.494	13.624.544.139

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản thu hộ, chi hộ cho các hãng tàu		
(1)	84.264.965.398	99.047.555.083
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam (2)	5.637.645.752	5.637.645.752
Kinh phí công đoàn	1.211.428.742	1.729.037.521
Cổ tức phải trả	214.524.825	226.407.325
Nhận ký quỹ ngắn hạn	116.900.000	183.673.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	58.240.420	16.229.866
Phải trả khác	3.298.029.646	5.330.653.246
	<u>94.801.734.783</u>	<u>112.171.201.793</u>

(1) Các khoản thu hộ, chi hộ cho các hãng tàu bao gồm số tiền là 26.977.478.756 đồng chưa đối chiếu được tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2012: 34.643.960.756 đồng), trong đó, bao gồm khoản công nợ đang tranh chấp với số tiền là 8.342.091.909 đồng như trình bày tại Thuyết minh số 34.

(2) Đây là số tiền mà Công ty nhận được sau khi giải thể Công ty TNHH SYMS Việt Nam như trình bày tại Thuyết minh số 13.

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác chủ yếu là các khoản tiền nhận ký quỹ cho thuê văn phòng, kho bãi từ khách hàng.

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay từ Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hồng Kông) (1)	3.078.906.000	3.078.906.000
Vay từ ông Đỗ Quang Hiệp (2)	5.000.000.000	-
	<u>8.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

(1) Khoản vay từ Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hồng Kông) với số tiền 1.980.000 Chinese Yuan (“CNY”) (tương đương 3.078.906.000 đồng) theo hợp đồng vay số 01/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn là 25 năm và không tính lãi. Công ty không thể liên lạc với đối tác để xác nhận khoản vay này. Công ty chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cho khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013 do chưa chắc chắn về khả năng phải hoàn trả số tiền này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- (2) Khoản vay từ Ông Đỗ Quang Hiệp, Phó Giám đốc của Chi nhánh Công ty – Đại lý Hàng hải Quảng Ninh với số tiền 5 tỷ đồng theo hợp đồng vay số 01/2013/ĐLHH-ĐQH ngày 01 tháng 3 năm 2013, nhằm mục đích ký quỹ vào kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 3 năm 2018 và không tính lãi.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần đã phát hành**

	31/12/2013	31/12/2012
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	11.650.000	11.650.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - Đồng Việt Nam	<u>116.500.000.000</u>	<u>116.500.000.000</u>

Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng - cổ phần	11.650.000	11.650.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - Đồng Việt Nam	<u>116.500.000.000</u>	<u>116.500.000.000</u>

Vốn cổ phần của Công ty bao gồm 11.650.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012	
	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	59.478.000.000	51,05
Các cổ đông khác	57.022.000.000	48,95
Tổng	<u>116.500.000.000</u>	<u>100,00</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	116.500.000.000	8.502.894.889	26.162.611.821	6.611.559.203	6.790.802.453	40.420.223.586	204.988.091.952
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	38.742.073.604	38.742.073.604
Trích lập các quỹ	-	-	5.377.374.924	1.792.458.308	2.150.949.970	(13.264.191.480)	(3.943.408.278)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.980.000.000)	(13.980.000.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(557.400.000)	-	(557.400.000)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	-	(100.105.785)	(100.105.785)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(8.502.894.889)	-	-	-	(168.046.662)	(8.670.941.551)
Tại ngày 31/12/2012	116.500.000.000	-	31.539.986.745	8.404.017.511	8.384.352.423	51.649.953.263	216.478.309.942
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	35.399.320.585	35.399.320.585
Trích lập các quỹ (1)	-	-	5.748.911.374	1.916.303.791	2.299.564.549	(9.964.779.714)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	(3.832.607.583)	(3.832.607.583)
Trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát (1)	-	-	-	-	-	(1.065.868.340)	(1.065.868.340)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(11.650.000.000)	(11.650.000.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(265.500.000)	-	(265.500.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(336.144.183)	(336.144.183)
Tại ngày 31/12/2013	116.500.000.000	-	37.288.898.119	10.320.321.302	10.418.416.972	60.199.874.028	234.727.510.421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- (1) Công ty đã thông qua việc trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần), quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 5.748.911.374 đồng, 1.916.303.791 đồng, 2.299.564.549 đồng, 3.832.607.583 đồng và 1.065.868.340 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 142/NQ-ĐHCD-VOSA ngày 04 tháng 6 năm 2013.
- (2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 142/NQ-ĐHCD-VOSA ngày 04 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 với số tiền là 11.650.000.000 đồng.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con – Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số cụ thể như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Vốn cổ phần của công ty con (“VND”)	100.000.000.000	100.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp cam kết của Công ty mẹ	51.000.000.000	51.000.000.000
- Vốn góp cam kết của cổ đông thiểu số	<u>49.000.000.000</u>	<u>49.000.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>49%</u>	<u>49%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số đối với giá trị tài sản thuần:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn của cổ đông thiểu số	3.900.000.000	3.900.000.000
Lỗi lũy kế	<u>(1.472.934.071)</u>	<u>(848.086.196)</u>
	<u>2.427.065.929</u>	<u>3.051.913.804</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ trong năm	1.275.199.746	657.868.130
Lỗ của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>624.847.875</u>	<u>322.355.384</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***26. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý hàng hải và Bộ phận kinh doanh bất động sản. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý hàng hải - kinh doanh dịch vụ đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển.

Bộ phận kinh doanh bất động sản - kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích, kỹ thuật dân dụng.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

31/12/2013	Đại lý hàng hải VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	481.791.965.618	4.526.838.101	486.318.803.719
Tổng tài sản hợp nhất			486.318.803.719
Nợ phải trả bộ phận	248.591.401.369	572.826.000	249.164.227.369
Tổng nợ phải trả hợp nhất			249.164.227.369

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm 2013	Đại lý hàng hải VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	804.121.469.429	229.090.908	804.350.560.337
Giá vốn từ hàng bán ra bên ngoài	(719.141.143.673)	(79.939.393)	(719.221.083.066)
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	84.980.325.756	149.151.515	85.129.477.271
Chi phí không phân bổ			(67.857.148.124)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			17.272.329.147
Doanh thu hoạt động tài chính			22.698.832.545
Lợi nhuận khác			3.124.547.292
Chi phí tài chính			(968.414.779)
Lợi nhuận trước thuế			42.127.294.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(7.352.821.495)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận trong năm			34.774.472.710
Thông tin khác			
Khấu hao			12.252.788.544

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

31/12/2012	Đại lý hàng hải VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	477.655.718.392	6.018.639.730	483.674.358.122
Tổng tài sản hợp nhất			483.674.358.122
Nợ phải trả bộ phận	263.354.706.493	789.427.883	264.144.134.376
Tổng nợ phải trả hợp nhất			264.144.134.376

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Đại lý hàng hải VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	609.846.355.934	244.181.813	610.090.537.747
Giá vốn từ hàng bán ra bên ngoài	(527.970.850.590)	(121.878.788)	(528.092.729.378)
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	81.875.505.344	122.303.025	81.997.808.369
Chi phí không phân bổ			(68.999.215.969)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.998.592.400
Doanh thu hoạt động tài chính			34.288.178.837
Lợi nhuận khác			1.293.862.038
Chi phí tài chính			(1.844.715.189)
Lợi nhuận trước thuế			46.735.918.086
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(8.316.199.866)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận trong năm			38.419.718.220
Thông tin khác			
Khấu hao			11.658.342.427

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu đại lý tàu	40.387.620.902	37.920.662.748
Doanh thu đại lý vận tải	552.588.607.217	365.293.912.085
Doanh thu đại lý liner	27.575.221.595	22.956.703.464
Doanh thu kiểm kiện	17.892.808.052	15.349.709.984
Doanh thu kho ngoại quan	44.204.022.031	31.080.936.964
Doanh thu hoa hồng hàng tạm nhập tái xuất	20.380.357.198	29.999.145.280
Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	26.410.832.959	35.337.241.623
Doanh thu cho thuê phương tiện	37.832.776.103	41.417.209.564
Doanh thu cho thuê nhà kho	11.311.743.476	7.748.445.856
Doanh thu dịch vụ khác	25.766.570.804	22.986.570.179
	<u>804.350.560.337</u>	<u>610.090.537.747</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	919.960.548	20.511.669.741
Chi phí nhân viên	107.929.386.036	121.019.874.209
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.191.159.410	1.540.744.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.252.788.544	11.658.342.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.600.638.319	393.452.413.149
Chi phí khác	5.184.298.333	48.908.901.692
	<u>787.078.231.190</u>	<u>597.091.945.347</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	5.705.229.869	8.969.440.047
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.979.680.416	5.392.271.944
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.123.279.995	9.554.306.151
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	245.578.115	415.997.779
	<u>12.053.768.395</u>	<u>24.332.015.921</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	-	40.002.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	968.414.779	1.304.713.189
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	500.000.000
	<u>968.414.779</u>	<u>1.844.715.189</u>

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	278.642.991	502.999.999
Thu nhập từ lô hàng phôi thép bán trong năm	-	3.496.861.107
Các khoản nợ không xác định được chủ	7.853.318.772	857.180.391
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.255.502.352
Các khoản thu nhập khác	3.892.438.836	181.494.490
Thu nhập khác	<u>12.024.400.599</u>	<u>6.294.038.339</u>
Chi phí của lô hàng phôi thép bán trong năm	-	3.423.925.831
Phạt vi phạm về thuế	99.533.600	1.411.530.866
Các khoản phải thu không thu được tiền	8.562.562.717	-
Chi phí khác	237.756.990	164.719.604
Chi phí khác	<u>8.899.853.307</u>	<u>5.000.176.301</u>
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>3.124.547.292</u>	<u>1.293.862.038</u>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	42.127.294.205	46.735.918.086
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.092.185.767	2.676.509.548
Cộng: Các lỗ tính thuế của công ty con	618.489.915	466.368.337
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.781.619.759)	(6.657.833.592)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(10.645.064.150)	(9.956.162.916)
Thu nhập chịu thuế	<u>29.411.285.978</u>	<u>33.264.799.463</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>7.352.821.495</u>	<u>8.316.199.866</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.774.472.710	38.419.718.220
<i>Phân bổ cho:</i>		
- Cổ đông thiểu số	(624.847.875)	(322.355.384)
- Cổ đông của công ty mẹ	35.399.320.585	38.742.073.604
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.399.320.585	38.742.073.604
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.650.000	11.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.039</u>	<u>3.325</u>

34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Từ năm 2003 đến năm 2008, Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (“Vitamas”), chi nhánh của Công ty mẹ, đã ký kết các hợp đồng làm nhà phân phối cho Tập đoàn Manuchar N.V. (thành lập tại Vương quốc Bỉ) và các công ty thành viên của Tập đoàn Manuchar N.V. để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối hàng hóa tại Việt Nam.

Trong năm 2010, Manuchar Hong Kong Limited khởi kiện đòi Công ty mẹ phải thanh toán số tiền là 5.965.008,84 đô la Mỹ (bao gồm nợ tiền hàng liên quan đến các hợp đồng mua bán trong năm 2008 là 4.886.233,84 đô la Mỹ và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1.078.775 đô la Mỹ), tương đương 125.479.925.958 đồng (quy đổi theo tỷ giá 21.036 VND/USD). Trong phiên hòa giải ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty mẹ cho rằng Công ty mẹ chỉ thực hiện chức năng nhận và giao hàng hộ cho Manuchar Hong Kong Limited và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng nhà phân phối giữa hai bên. Hiện nay, Công ty mẹ chỉ còn phải trả Manuchar Hong Kong Limited số tiền liên quan đến số hàng bị thiếu là 14.328,4 đô la Mỹ, tương đương 301.412.222 đồng (quy đổi theo tỷ giá 21.036 VND/USD). Do Công ty mẹ và Manuchar Hong Kong Limited không thống nhất quan điểm trong phiên hòa giải nên hiện nay vụ kiện vẫn đang tiếp tục tại Tòa sơ thẩm Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

Trong năm 2011, Manuchar N.V. khởi kiện đòi Công ty mẹ hoàn trả khoản thuế giá trị gia tăng mà Công ty mẹ đã nhận thừa từ Manuchar N.V. với số tiền là 4.135.808.174 đồng. Công ty mẹ đang ghi nhận khoản nợ phải trả cho Manuchar N.V. với số tiền là 8.342.091.909 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Số tiền này bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng phải trả nêu trên và khoản nợ tiền hàng. Vụ kiện này được Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 29 tháng 12 năm 2011 và đình chỉ giải quyết ngày 21 tháng 5 năm 2012 do tranh chấp này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, các tranh chấp khi thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bởi Trọng tài quốc tế tại Brussels, Vương quốc Bỉ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong năm 2012, Công ty TNHH Manuchar Việt Nam đã khởi kiện đòi Công ty mẹ thanh toán tiền hàng hóa mà Công ty chưa trả với số tiền là 66.992.729.178 đồng và lãi chậm trả là 22.442.229.274 đồng. Vụ kiện này được Tòa án Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 21 tháng 02 năm 2012 và tạm đình chỉ giải quyết ngày 23 tháng 5 năm 2012 do vụ kiện này có liên quan đến hai vụ kiện nêu trên và cần phải đợi kết quả giải quyết của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản công nợ tiềm tàng này trên báo cáo tài chính hợp nhất vì Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty mẹ đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng được ký kết với các nguyên đơn và sẽ không phải trả các khoản tiền theo yêu cầu của các nguyên đơn trong các vụ kiện này.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>11.619.495.411</u>	<u>5.729.617.023</u>

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	8.504.044.732	8.120.861.946
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.264.225.000	1.208.144.400
Sau năm năm	-	186.185.000
	<u>10.768.269.732</u>	<u>9.515.191.346</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê kho và thuê cơ sở hạ tầng của Công ty và các chi nhánh. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ một năm đến hai năm.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.214.734.424	180.438.636.959
Các khoản đầu tư tài chính	16.762.247.289	14.762.088.188
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.220.896.537	93.453.918.960
Các khoản ký quỹ	7.314.276.144	4.371.154.759
	<u>269.512.154.394</u>	<u>293.025.798.866</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.078.906.000	3.078.906.000
Phải trả người bán và phải trả khác	167.052.536.703	167.708.257.403
Chi phí phải trả	8.909.295.494	13.624.544.139
	<u>184.040.738.197</u>	<u>184.411.707.542</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá của các công cụ vốn. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	105.527.371.010	124.158.878.121	73.865.288.777	46.821.010.387
Nhân dân tệ ("CNY")	-	-	3.078.906.000	3.078.906.000

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm với số tiền tương ứng là 949.862.467 đồng (năm 2012: 2.320.136.032 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2013</u>	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 trở lên năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.214.734.424	-	143.214.734.424
Các khoản đầu tư tài chính	3.000.000.000	13.762.247.289	16.762.247.289
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.220.896.537	-	102.220.896.537
Các khoản ký quỹ	6.494.445.000	819.831.144	7.314.276.144
	<u>254.930.075.961</u>	<u>14.582.078.433</u>	<u>269.512.154.394</u>
Các khoản vay	-	8.078.906.000	8.078.906.000
Phải trả người bán và phải trả khác	163.617.413.951	3.435.122.752	167.052.536.703
Chi phí phải trả	8.909.295.494	-	8.909.295.494
	<u>172.526.709.445</u>	<u>11.514.028.752</u>	<u>184.040.738.197</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>82.403.366.516</u>	<u>3.068.049.681</u>	<u>85.471.416.197</u>
<u>31/12/2012</u>	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 trở lên năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.438.636.959	-	180.438.636.959
Các khoản đầu tư tài chính	1.000.000.000	13.762.088.188	14.762.088.188
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.453.918.960	-	93.453.918.960
Các khoản ký quỹ	3.577.695.000	793.459.759	4.371.154.759
	<u>278.470.250.919</u>	<u>14.555.547.947</u>	<u>293.025.798.866</u>
Các khoản vay	-	3.078.906.000	3.078.906.000
Phải trả người bán và phải trả khác	167.084.055.751	624.201.652	167.708.257.403
Chi phí phải trả	13.624.544.139	0	13.624.544.139
	<u>180.708.599.890</u>	<u>3.703.107.652</u>	<u>184.411.707.542</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>97.761.651.029</u>	<u>10.852.440.295</u>	<u>108.614.091.324</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines")
 Công ty TNHH China Shipping Việt Nam
 Công ty TNHH NYK Line Việt Nam
 Công ty Kinh doanh Xăng dầu Vinalines Phía Bắc
 Công ty Cổ phần Vận tải biển Container Vinalines
 Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh
 Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng
 Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
 Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ
 Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam
 Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam
 Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá
 Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động Quốc tế
 Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
 Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam
 Công ty Cổ phần Vận tải biển Bắc

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Công ty
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines
 Công ty con của Vinalines

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	144.323.254	-
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	551.826.000	551.826.000
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ	153.303.287	66.117.599
Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn	524.778.361	118.673.600
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	1.893.850.694	-
Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	6.411.676.933	-

38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.

		
Võ Trung Thắng Người lập biểu	Phan Văn Khánh Trưởng phòng Tài chính Kế toán	 Vũ Xuân Trung Tổng Giám đốc Ngày 15 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC


Vũ Xuân Trung

The image shows a red circular stamp with the following text: "M.S.D.N: 0300437898", "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM", and "QUẬN 7 - T. PHỐ HỒ CHÍ MINH". A blue handwritten signature is written over the stamp.